

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)				Phòng thi: A102				
Môn thi: Kỹ năng đọc		Ca thi: 8h00-9h00			Ngày thi: 25/07/2024			
TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70001	20810310335	SV2132802	Hoàng Tuấn	Anh	16/06/2002		
2	TA70002	20810850073	SV2132803	Nguyễn Thuỳ	Anh	24/06/2002		
3	TA70003	20810850011	SV2132804	Phan Hoàng	Anh	23/12/2002		
4	TA70004	21710110040	SV2132805	Trần Đức	Anh	15/10/2003		
5	TA70005	20810110285	SV2132806	Vũ Đức	Anh	29/10/2002		
6	TA70006	20810000076	SV2132807	Đặng Ngọc	Ánh	10/12/2001		
7	TA70007	20CH5160003	SV2132808	Đỗ Văn	Bằng	02/07/1992		
8	TA70008	20810720029	SV2132809	Hoàng Đức	Bảo	03/09/2002		
9	TA70009	18810620038	SV2132810	Hoàng Văn	Đại	05/11/2000		
10	TA70010	19810110142	SV2132811	Nguyễn Văn	Đại	30/06/2001		
11	TA70011	20810620127	SV2132812	Hà Minh	Đăng	27/11/2002		
12	TA70012	20810160458	SV2132813	Nguyễn Ngọc	Đạt	29/08/2002		
13	TA70013	18810310459	SV2132814	Nguyễn Tiến	Đạt	14/07/2000		
14	TA70014	18810110017	SV2132815	Đào Xuân	Đức	13/08/2000		
15	TA70015	18810430084	SV2132816	Nguyễn Đắc	Đức	11/06/2000		
16	TA70016	20810000552	SV2132817	Nguyễn Vũ Mạnh	Đức	17/07/2002		
17	TA70017	19810510191	SV2132818	Đỗ Mạnh	Dũng	08/01/2001		
18	TA70018	18819120029	SV2132819	Lê Thanh	Dương	09/07/2000		
19	TA70019	20810850093	SV2132820	Nguyễn Tùng	Dương	04/11/2001		
20	TA70020	20810620096	SV2132821	Nguyễn Đình	Duy	20/11/2002		
21	TA70021	20810610010	SV2132822	Phạm Đức	Duy	15/10/2002		
22	TA70022	20810160560	SV2132823	Nguyễn Hương	Giang	11/09/2002		
23	TA70023	20810850004	SV2132824	Nguyễn Thị Hải	Giang	15/09/2002		
24	TA70024	20810170370	SV2132825	Phạm Thanh	Hà	24/09/2002		
25	TA70025	20810310052	SV2132826	Mai Thu	Hải	14/08/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Môn thi: Kỹ năng đọc

Phòng thi: A104

Ngày thi: 25/07/2024

Ca thi: 8h00-9h00

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70026	20810420083	SV2142827	Vũ Việt	Hải	31/07/2002		
2	TA70027	21810710130	SV2142828	Đỗ Thị Thúy	Hằng	15/05/2003		
3	TA70028	18810230038	SV2142829	Lê Thị Thu	Hằng	23/08/2000		
4	TA70029	20810830228	SV2142830	Nguyễn Thị	Hằng	23/08/2002		
5	TA70030	21810810238	SV2142831	Nguyễn Thị	Hằng	01/08/2003		
6	TA70031	20810000139	SV2142832	Đinh Thị	Hiên	03/04/2002		
7	TA70032	18810310149	SV2142833	Lê Văn	Hiếu	20/08/2000		
8	TA70033	21810710279	SV2142834	Nguyễn Hữu	Hiếu	28/05/2003		
9	TA70034	19810420167	SV2142835	Nguyễn Minh	Hiếu	22/07/2001		
10	TA70035	19810310218	SV2142836	Nguyễn Minh	Hiếu	03/10/2001		
11	TA70036	20810170410	SV2142837	Nguyễn Trọng	Hiếu	07/06/2002		
12	TA70037	20810820107	SV2142838	Phạm Minh	Hiếu	11/03/2002		
13	TA70038	19810310076	SV2142839	Vũ Trung	Hiếu	07/11/2001		
14	TA70039	20810820102	SV2142840	Bùi Huy	Hiệu	30/08/2002		
15	TA70040	20810710190	SV2142841	Nguyễn Thị	Hoa	20/07/2002		
16	TA70041	18810310584	SV2142842	Nguyễn Đăng	Hòa	22/11/2000		
17	TA70042	18810310635	SV2142843	Vũ Ngọc	Hoan	22/06/2000		
18	TA70043	18810170253	SV2142844	Chu Việt	Hoàng	01/05/2000		
19	TA70044	18810000139	SV2142845	Nông Văn	Hoàng	07/11/2000		
20	TA70045	19810310125	SV2142846	Phạm Huy	Hoàng	16/11/2001		
21	TA70046	20819110080	SV2142847	Vũ Minh	Hoàng	27/07/2002		
22	TA70047	20810000083	SV2142848	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/03/2002		
23	TA70048	20810850072	SV2142849	Nguyễn Mạnh	Hùng	29/03/2002		
24	TA70049	20810310016	SV2142850	Nguyễn Thành	Hưng	15/05/2000		
25	TA70050	20810850018	SV2142851	Phạm Nam	Hưng	19/05/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** A107
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 8h00-9h00 **Ngày thi:** 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70051	19810720166	SV2152852	Hoàng Thị	Hương	10/08/2000		
2	TA70052	20810310022	SV2152853	Nguyễn Ngọc Quan	Huy	15/07/2002		
3	TA70053	20810710203	SV2152854	Nguyễn Quang	Huy	29/03/2002		
4	TA70054	18810850032	SV2152855	Trần Ngọc	Huy	14/02/2000		
5	TA70055	20810000046	SV2152856	Trần Quang	Huy	02/08/2002		
6	TA70056	20810840152	SV2152857	Đào Thu	Huyền	01/01/2002		
7	TA70057	20810810086	SV2152858	Nguyễn Khánh	Huyền	28/06/2002		
8	TA70058	20810850058	SV2152859	Phùng Thị Khánh	Huyền	10/08/2002		
9	TA70059	18810810091	SV2152860	Đỗ Trung	Kiên	01/08/2000		
10	TA70060	21810710177	SV2152861	Trần Đức	Kiên	07/08/2003		
11	TA70061	18810610026	SV2152862	Kiều Văn	Kỳ	20/11/2000		
12	TA70062	18810310662	SV2152863	Đặng Tùng	Lâm	20/04/2000		
13	TA70063	19810810021	SV2152864	Trần Bích	Liên	10/11/2001		
14	TA70064	18810430170	SV2152865	Hoàng Đức	Linh	25/12/2000		
15	TA70065	20810850023	SV2152866	Nguyễn Tổng Khán	Linh	18/12/2002		
16	TA70066	21810710201	SV2152867	Vũ Thị Quỳnh	Linh	16/02/2003		
17	TA70067	19810340622	SV2152868	Đinh Thị Bích	Loan	25/02/2001		
18	TA70068	18810310639	SV2152869	Lê Văn	Long	23/10/2000		
19	TA70069	18810850038	SV2152870	Nguyễn Hoàng	Long	18/11/2000		
20	TA70070	18810310475	SV2152871	Nguyễn Thành	Long	22/04/2000		
21	TA70071	19810000160	SV2152872	Nguyễn Văn	Long	05/06/2001		
22	TA70072	18810310165	SV2152873	Vũ Phi	Long	25/12/2000		
23	TA70073	21810840256	SV2152874	Lê Phương	Mai	20/04/2003		
24	TA70074	20810850083	SV2152875	Lê Đức	Mạnh	17/08/2002		
25	TA70075	1681110336	SV2152876	Nguyễn Công	Minh	28/01/1998		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)				Phòng thi: A108				
Môn thi: Kỹ năng đọc			Ca thi: 8h00-9h00		Ngày thi: 25/07/2024			
TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70076	20810160460	SV2162877	Phùng Quang	Minh	26/03/2002		
2	TA70077	18810110257	SV2162878	Trần Công	Minh	10/08/2000		
3	TA70078	21810710135	SV2162879	Dương Thị Trà	My	04/09/2003		
4	TA70079	20810840145	SV2162880	Hoàng Hải	Nam	12/12/2002		
5	TA70080	20810610254	SV2162881	Lê Hoài	Nam	06/02/2002		
6	TA70081	20810610259	SV2162882	Nguyễn Bá Phương	Nam	25/12/2002		
7	TA70082	20810000167	SV2162883	Nguyễn Hoài	Nam	26/10/2002		
8	TA70083	20810820070	SV2162884	Đỗ Thanh	Nga	10/01/2002		
9	TA70084	20810000163	SV2162885	Vũ Thị Quỳnh	Nga	01/11/2002		
10	TA70085	1781810153	SV2162886	Đặng Thị Kim	Ngân	08/09/1999		
11	TA70086	20810820096	SV2162887	Doãn Hà	Ngọc	02/03/2002		
12	TA70087	1781610040	SV2162888	Nguyễn Lương	Nguyên	23/11/1999		
13	TA70088	19810710185	SV2162889	Nguyễn Thị	Nguyên	02/04/2001		
14	TA70089	20810850085	SV2162890	Đoàn Hồng	Nhung	20/01/2002		
15	TA70090	21810710176	SV2162891	Trần Thị	Nụ	09/08/2002		
16	TA70091	20810610256	SV2162892	Trần Văn	Phong	26/05/2002		
17	TA70092	21810170341	SV2162893	Khổng Minh	Phương	07/12/2003		
18	TA70093	20810160432	SV2162894	Hoàng Văn	Quân	04/07/2002		
19	TA70094	20810170366	SV2162895	Chu Văn	Quyên	16/02/2002		
20	TA70095	20810000309	SV2162896	Đỗ Diễm	Quỳnh	09/01/2002		
21	TA70096	20810710268	SV2162897	Trần Thị	Quỳnh	02/09/2002		
22	TA70097	18819120006	SV2162898	Phan Văn	Son	29/07/1999		
23	TA70098	20810000129	SV2162899	Nguyễn Nhật	Tân	07/06/2002		
24	TA70099	20810610003	SV2162900	Vũ Đức	Thắng	04/06/2002		
25	TA70100	1781410030	SV2162901	Bùi Đình	Thanh	28/03/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)				Phòng thi: AB101				
Môn thi: Kỹ năng đọc		Ca thi: 8h00-9h00			Ngày thi: 25/07/2024			
TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70101	20810850088	SV2172902	Bùi Khánh	Thảo	14/02/2002		
2	TA70102	20810850056	SV2172903	Lê Phương	Thảo	21/08/2002		
3	TA70103	20810850040	SV2172904	Nguyễn Phương	Thảo	23/06/2002		
4	TA70104	20810810062	SV2172905	Trần Thị Phương	Thảo	15/09/2002		
5	TA70105	21810840250	SV2172906	Nguyễn Thanh	Thúy	23/09/2003		
6	TA70106	1781410034	SV2172907	Nguyễn Minh	Tiền	26/07/1999		
7	TA70107	20810000101	SV2172908	Nguyễn Văn	Toàn	25/11/2002		
8	TA70108	21810710414	SV2172909	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	03/08/2003		
9	TA70109	21810710252	SV2172910	Phạm Thùy	Trang	14/10/2003		
10	TA70110	20810720277	SV2172911	Hà Thị	Trình	27/08/2002		
11	TA70111	20810620036	SV2172912	Nguyễn Đăng	Trọng	28/06/2002		
12	TA70112	20810430182	SV2172913	Nguyễn Đức	Trọng	05/06/2002		
13	TA70113	20810720055	SV2172914	Nguyễn Việt	Trung	18/11/2002		
14	TA70114	21810710264	SV2172915	Kiều Văn	Tuân	01/03/2003		
15	TA70115	20810000183	SV2172916	Nguyễn Mạnh	Tuấn	18/09/2002		
16	TA70116	20810310002	SV2172917	Hà Đức	Tùng	03/09/2002		
17	TA70117	19810820037	SV2172918	Hồ Phương	Uyên	04/07/2001		
18	TA70118	20810710284	SV2172919	Trần Thị Thu	Uyên	16/10/2002		
19	TA70119	18819120030	SV2172920	Lê Đức	Việt	28/02/2000		
20	TA70120	21810170304	SV2172921	Nguyễn Văn	Việt	14/01/2003		
21	TA70121	20810710228	SV2172922	Đỗ Công	Vũ	13/12/2002		
22	TA70122	19810340168	SV2172923	Nguyễn Thị	Yên	22/08/2001		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Môn thi: Kỹ năng đọc

Phòng thi: A102

Ngày thi: 25/07/2024

Ca thi: 9h45-10h45

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70123	20810000179	SV2182924	Bùi Tùng	Anh	14/06/2001		
2	TA70124	20810310073	SV2182925	Đặng Phương	Anh	01/01/2002		
3	TA70125	20810830196	SV2182926	Đỗ Mỹ	Anh	11/08/2002		
4	TA70126	20810000003	SV2182927	Lê Tâm	Anh	09/03/2002		
5	TA70127	22810860080	SV2182928	Nguyễn Hải	Anh	01/11/2004		
6	TA70128	20810710292	SV2182929	Nguyễn Thị Lan	Anh	05/05/2002		
7	TA70129	19810820047	SV2182930	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	02/02/2000		
8	TA70130	20810430192	SV2182931	Nguyễn Việt	Anh	28/02/2002		
9	TA70131	19810430063	SV2182932	Trần Nhật	Anh	31/07/2001		
10	TA70132	21810710104	SV2182933	Vũ Hoàng	Anh	03/11/2001		
11	TA70133	20810170419	SV2182934	Lê Thành	Công	12/10/2002		
12	TA70134	19810420044	SV2182935	Lê Xuân	Cường	14/07/2001		
13	TA70135	21810410064	SV2182936	Nguyễn Công	Danh	18/05/2003		
14	TA70136	ĐVTHS	SV2182937	Nghiêm Đức	Đạt	01/05/1997		
15	TA70137	20810720007	SV2182938	Nguyễn Tiến	Đạt	12/03/2002		
16	TA70138	21819100002	SV2182939	Trần Tiến	Đạt	19/10/2003		
17	TA70139	20810160541	SV2182940	Phạm Mạnh	Đinh	12/01/2002		
18	TA70140	19810420218	SV2182941	Lê Văn	Đức	25/08/2000		
19	TA70141	19810310328	SV2182942	Nguyễn Trung	Đức	16/04/2001		
20	TA70142	20810430157	SV2182943	Phạm Minh	Đức	15/05/2002		
21	TA70143	20810000188	SV2182944	Nguyễn Thuỳ	Dung	12/06/2002		
22	TA70144	19810310300	SV2182945	Lương Tiến	Dũng	21/01/2001		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** A104
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 9h45-10h45 **Ngày thi:** 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70145	20810110173	SV2192946	Nguyễn Viết	Dũng	10/09/2002		
2	TA70146	22810230150	SV2192947	Nguyễn Ánh	Dương	12/08/2004		
3	TA70147	21710110022	SV2192948	Đoàn Quang	Duy	27/10/2000		
4	TA70148	20810310369	SV2192949	Đỗ Hoài	Giang	19/12/2002		
5	TA70149	20810170309	SV2192950	Dương Kim Hoàng	Giang	16/11/2002		
6	TA70150	20819110107	SV2192951	Vũ Phương	Hà	27/06/2002		
7	TA70151	20810430255	SV2192952	Vũ Đức	Hải	12/12/2002		
8	TA70152	20810830217	SV2192953	Nguyễn Thị	Hạnh	14/08/2002		
9	TA70153	20810000303	SV2192954	Phạm Thị Thu	Hiên	29/08/2002		
10	TA70154	19810230084	SV2192955	Nguyễn Mạnh	Hiệp	02/09/2001		
11	TA70155	20810410080	SV2192956	Đào Trọng	Hiếu	27/03/2002		
12	TA70156	20810170416	SV2192957	Nguyễn Trung	Hiếu	13/05/2002		
13	TA70157	20810160536	SV2192958	Trần Minh	Hiếu	06/03/2002		
14	TA70158	21810840283	SV2192959	Đoàn Thị	Hoa	14/03/2003		
15	TA70159	20810830188	SV2192960	Nguyễn Thị Minh	Hoài	11/05/2002		
16	TA70160	19810420162	SV2192961	Lê Huy	Hoàng	22/11/2001		
17	TA70161	20810000140	SV2192962	Đặng Vân	Hồng	15/12/2002		
18	TA70162	22810810057	SV2192963	Phạm Thị	Huê	27/09/2004		
19	TA70163	20810230095	SV2192964	Nguyễn Thị	Huệ	16/06/2002		
20	TA70164	20810000202	SV2192965	Nguyễn Thành	Hưng	26/05/2002		
21	TA70165	19810310349	SV2192966	Đỗ Thị Mai	Hương	23/06/2001		
22	TA70166	19810310103	SV2192967	Nguyễn Đức	Huy	11/12/2001		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**
(ký ghi rõ họ tên) (ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** A107
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 9h45-10h45 **Ngày thi:** 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70167	20810340248	SV2202968	Nguyễn Xuân	Huy	24/03/2002		
2	TA70168	22810440324	SV2202969	Trần Thanh An	Huy	18/01/2004		
3	TA70169	20810000169	SV2202970	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	06/06/2002		
4	TA70170	21810310174	SV2202971	Vũ Thị	Huyền	28/05/2003		
5	TA70171	20810710094	SV2202972	Tổng Nguyễn Quốc	Khánh	21/07/2002		
6	TA70172	20819110104	SV2202973	Nguyễn Công	Kiểm	07/11/2002		
7	TA70173	21810860390	SV2202974	Nguyễn Tùng	Lâm	18/09/2003		
8	TA70174	Thí sinh dự thi	SV2202975	Nguyễn Bá	Lâm	17/10/2001		
9	TA70175	20810000133	SV2202976	Khương Thị	Lành	17/06/2002		
10	TA70176	21810850395	SV2202977	Lại Thị Thùy	Linh	12/06/2003		
11	TA70177	20810310311	SV2202978	Nguyễn Mỹ	Linh	22/02/2002		
12	TA70178	20810000367	SV2202979	Nguyễn Thùy	Linh	04/02/2002		
13	TA70179	20810320119	SV2202980	Vũ Thị	Linh	19/01/2002		
14	TA70180	21810110516	SV2202981	Bùi Quang	Lộc	04/12/2003		
15	TA70181	20810420066	SV2202982	Nguyễn Xuân	Lộc	24/09/2002		
16	TA70182	19810310050	SV2202983	Đinh Hoàng	Long	18/12/2001		
17	TA70183	20810850075	SV2202984	Nông Hải	Long	07/03/2002		
18	TA70184	20810810130	SV2202985	Lê Thảo	Ly	19/08/2002		
19	TA70185	19810340652	SV2202986	Nguyễn Ngọc	Mai	21/08/2000		
20	TA70186	19810430254	SV2202987	Nguyễn Duy	Mạnh	14/04/2001		
21	TA70187	20810420022	SV2202988	Nguyễn Nhật	Minh	12/04/2002		
22	TA70188	18810310327	SV2202989	Quản Quốc	Minh	05/09/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 9h45-10h45

Ngày thi: 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70189	21810810324	SV2212990	Hoàng Anh	Mỹ	29/06/2003		
2	TA70190	19810420359	SV2212991	Trần Văn	Nam	12/02/2001		
3	TA70191	20810110151	SV2212992	Nguyễn Trung	Nghĩa	05/04/2002		
4	TA70192	21810440600	SV2212993	Trần Trung	Nguyên	10/03/2003		
5	TA70193	21810850412	SV2212994	Trần Thị Uyên	Nhi	15/05/2003		
6	TA70194	20810710128	SV2212995	Đỗ Năng	Phát	04/05/2002		
7	TA70195	19810310334	SV2212996	Nguyễn Hữu	Phú	16/09/2001		
8	TA70196	20810000439	SV2212997	Đỗ Nguyên	Phương	17/10/2002		
9	TA70197	20810850090	SV2212998	Tạ Thu	Phương	09/04/2001		
10	TA70198	20810110130	SV2212999	Đặng Hồng	Quân	16/03/2002		
11	TA70199	20810850066	SV2213000	Ngô Sỹ	Quân	27/09/2002		
12	TA70200	20810160424	SV2213001	Đỗ Đăng	Quang	31/03/2002		
13	TA70201	20810000411	SV2213002	Tổng Văn	Quang	21/10/2002		
14	TA70202	20810000516	SV2213003	Vũ Như	Quang	04/03/2002		
15	TA70203	21810810029	SV2213004	Nguyễn Thị	Quỳnh	03/02/2003		
16	TA70204	20810310389	SV2213005	Phạm Ngọc	Sơn	27/12/2002		
17	TA70205	19810110004	SV2213006	Đỗ Xuân	Thạch	25/11/2001		
18	TA70206	18810110220	SV2213007	Xeo Anh	Thái	13/03/1999		
19	TA70207	Thí sinh dự thi	SV2213008	Lê Tất	Thắng	04/08/1997		
20	TA70208	20810620066	SV2213009	Nghiêm Đức	Thắng	27/11/2002		
21	TA70209	19810320047	SV2213010	Phùng Chí	Thanh	29/11/2001		
22	TA70210	1781830023	SV2213011	Lê Đức	Thành	02/09/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: AB101

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 9h45-10h45

Ngày thi: 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70211	19810710219	SV2223012	Lê Ngọc	Thành	17/09/2001		
2	TA70212	20810170417	SV2223013	Nguyễn Đức	Thành	16/12/2001		
3	TA70213	20810170323	SV2223014	Trịnh Tiến	Thành	24/03/2002		
4	TA70214	20810000470	SV2223015	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/08/2002		
5	TA70215	20810110279	SV2223016	Phạm Bá	Thịnh	18/07/2002		
6	TA70216	18810430150	SV2223017	Nguyễn Đức	Thuận	15/11/2000		
7	TA70217	19810420310	SV2223018	Bùi Duy	Thuyết	03/10/2001		
8	TA70218	19810310096	SV2223019	Phạm Đình	Tiếp	18/03/2001		
9	TA70219	22810810126	SV2223020	Hoàng Thu	Trang	29/06/2004		
10	TA70220	20810810137	SV2223021	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/10/2002		
11	TA70221	20810850016	SV2223022	Nguyễn Thuý	Trang	19/12/2002		
12	TA70222	20810000096	SV2223023	Tạ Vương	Triều	19/11/2002		
13	TA70223	19810430117	SV2223024	Ngô Vương	Trung	16/12/2001		
14	TA70224	20810430384	SV2223025	Nguyễn Phi	Trường	20/09/2001		
15	TA70225	21810430442	SV2223026	Trương Ngọc	Tú	08/02/2002		
16	TA70226	19810420173	SV2223027	Đàm Duy	Tuấn	04/10/2001		
17	TA70227	20810000315	SV2223028	Nguyễn Văn	Tuấn	06/05/2002		
18	TA70228	20810820058	SV2223029	Trần Lê Anh	Tuấn	16/01/2002		
19	TA70229	18810310248	SV2223030	Nguyễn Công	Tuệ	10/02/2000		
20	TA70230	20810420034	SV2223031	Nguyễn Thanh	Tùng	27/03/2002		
21	TA70231	18810420317	SV2223032	Hoàng Đình	Tuyền	20/06/2000		
22	TA70232	21810820120	SV2223033	Nguyễn Huy	Việt	20/03/2003		
23	TA70233	18810660061	SV2223034	Nguyễn Tá	Vượng	25/04/2000		
24	TA70234	18810830243	SV2223035	Vũ Ngọc Uyên	Vy	02/02/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)